TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST Ngày: 09/6/2022 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thi N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Đặng A, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 2 năm 2022. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thi N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đặng A chung sống vào năm 2011 đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân.Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông A thường xuyên cờ bạc, nợ nần về bán tài sản trả nợ cờ bạc. Bà N nhiều lần khuyên bảo nhưng ông A không chịu thay đổi vì thế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng gay gắt, cuộc sống gia đình mệt mỏi và áp lực, cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông A không có hạnh phúc. Bà N bỏ về cha mẹ ruột sống riêng hơn một năm nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì tới nhau. Nay bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống không có hạnh phúc nên bà N yêu cầu tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn ông A.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đặng M, sinh ngày 17/10/2011. Hiện con đang sống cùng ông A. Nay ly hôn bà N đồng ý để ông A tiếp tục nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con bà N không ý kiến gì

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu tòa giải quyết

Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì khác

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng A trình bày **:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông A thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thi N về điều kiện chung sống, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng cãi cọ nhau thì cũng ít, do thời gian khoảng 4 năm gần đây ông A có ham mê cờ bạc thua nhiều tiền. Về bà N biết nhưng im lặng không nói gì. Vợ chồng cũng có cãi vả xô xát nhưng rất ít, chỉ khoảng 4 năm trước ông A cũng có đánh vợ vài bạc tay khi cãi nhau. Thời gian cách đây hơn một năm ông A đánh bài thua tiền, về ông A bán đất trả nợ (tài sản riêng của ông A) bà N biết cũng không nói gì nhưng lặng lẳng về nhà mẹ ruột xây nhà ở riêng luôn cho tới nay. Ông A xuống tìm năn nỉ nhiều lần nhưng vợ không cho ông cơ hội nói chuyện, cứ thấy ông A xuống là bỏ đi. Ông A có nhờ gia đình bên vợ khuyên bảo giúp nhưng bà N cũng không chịu nghe. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông A không đồng ý vì ông A rất thương vợ thương con, ông A đã bỏ cờ bạc để làm ăn, ông A mong bà N bỏ qua mọi việc để về đoàn tụ chung sống lại.

Về nuôi con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Đặng M, sinh ngày 17/10/2011. Hiện con đang ở cùng với ông A. Nếu phải ly hôn ông A đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất không yêu cầu tòa giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án

đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71,72 và Điều 234 BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà N và ông A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Lê Thi N được ly hôn với ông Đặng A.

Về con chung: Bà N đề nghị tiếp tục để ông A nuôi con chung tên Đặng M, sinh ngày 17/10/2011. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao con chung tên Đặng M, sinh ngày 17/10/2011 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Thi N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Đặng A có nơi cư trú tại ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thi N, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[3.1] Bà Lê Thi N và ông Đặng A tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011 đến năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án bà N cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông A thường xuyên cờ bạc, nợ nần về bán tài sản trả nợ cờ bạc. Bà N nhiều lần khuyên bảo nhưng ông A không chịu thay đổi vì thế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng gay gắt, cuộc sống gia đình mệt mỏi và áp lực, cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông A không có hạnh phúc. Bà N, ông A sống ly thân hơn một năm nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì tới nhau. Ông A cho rằng trong quá trình chung vợ chồng cũng có xẩy ra cãi vã, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A cờ bạc nhiều lần phải bán tài sản trả nợ, bà N cũng nhiều lần nhắc nhở nhưng ông vẫn ham mê cờ bạc dẫn đến bà N buồn phiền bỏ đi về nhà mẹ ruột sống riêng, vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay. Điều này phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Xét thấy, giữa bà N và ông A thường xẩy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà N cho bà N được ly hôn với ông A.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông A có 01 con chung tên Đặng M, sinh ngày 17/10/2011 hiện đang ở cùng ông A. Bà N, ông A thống nhất để ông A tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung do đó cần giao con chung tên Đặng M, sinh ngày 17/10/2011cho ông Đặng A trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra do các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông A không yêu cầu nên Không xem xét giải quyết

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn bà Lê Thi N phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Lê Thi N được ly hôn với ông Đặng A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng M, sinh ngày 17/10/2011 cho ông Đặng A trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lê Thi N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011724 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hồ Thị Xuân Thiều	**Nguyễn Việt Thành**	**Ung Thị Ngọc Thanh**